

PHƯƠNG THỨC ỨNG XỬ VỚI CHỮ NÔM CỦA VUA TỰ BỨC QUA “HUẤN ĐỊCH THẬP ĐIỀU DIỄN NGHĨA CA”

Hoàng Thị Tuyết Mai^{*}
Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Khi bàn đến chức năng xã hội của chữ Nôm, văn học Nôm nghĩa là đề cập đến một hướng trong tông thể phương thức ứng xử của các chính thể thời trung đại với chữ Nôm và văn Nôm. Các văn bản giáo hóa của chính thể chứa đựng những điều lệ có tính cơ chế chính sách, được ban hành bằng Hán văn sau được diễn Nôm, rồi truyền khẩu (bằng cách đọc thuộc lòng). Việc diễn Nôm các văn bản như thế đưa chữ Nôm từ vị trí thông tục sang vị trí là công cụ chuyên tài đạo lý. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi đề cập đến văn bản diễn Nôm *Huấn dịch thập điều* của vua Tự Đức có ý nghĩa như là cách thức nâng cao chức năng xã hội của tiếng Việt. Đây là một di sản quý giá thời trung đại trong việc phổ biến chính hóa, có ý nghĩa nâng cao chức năng và năng lực của tiếng mẹ đẻ. Đặc biệt quá trình lưu hành các văn bản giáo hóa đã thúc đẩy mạnh mẽ sự ra đời của các sáng tác văn chương Nôm đích thực, góp phần tạo nên nền văn học Nôm giàu có, trưởng thành hơn.

Từ khóa: Chữ Nôm, Văn học Nôm, Phương thức ứng xử, Giáo hóa, Văn chương quốc ngữ

Điển Nôm các văn bản triều nghi – cách thức “giáo hóa” của chính thể

Thời trung đại, mối quan hệ giữa chữ Hán và chữ Nôm luôn có tính chất hai chiều. Chữ Hán thường được coi là phương tiện ghi lại, thường thức, quảng bá những gì thuộc về cái cao quý, chính thống. Những sáng tác bằng chữ Hán đáp ứng những nhu cầu thuộc về những giá trị thượng đẳng, đáp ứng các chức năng có tính quyền uy và học thuật. Tuy vậy, những văn bản của các chính thể muốn đến đến với quang đại dân chúng thường phải qua khâu diễn Nôm. Việc diễn Nôm các văn bản có tính chất nhà nước của các chính thể được xem là cần thiết và được các chính thể khích lệ. Thời Trần, lịch sử đã từng ghi lại việc giảng giải âm nghĩa dây tinh bi hài giữa Ty Hành khiền và Viện Hàn lâm (sự kiện Lê Tòng Giáo và Đinh Cung Viên). Thời Lê-Trịnh, chúa Trịnh Doanh cũng đã sai tham tụng Nhữ Đinh Tân¹ diễn ca 47 điều Lê triều giáo hóa điều lệ từ thập thất điều của vua Lê Huyền Tông thành văn bản theo thể lục bát,

phổ biến khắp làng xã. Tham vọng của các дảng bě trên là phổ biến những tập tục về gia đình và xã hội theo tiêu chuẩn Nho gia đến khắp chốn nhân gian

Huấn dịch thập điều (Thánh dụ Huấn dịch thập điều) là một văn bản do vua Minh Mạng ban bố vào năm 1834, được Tự Đức diễn Nôm năm 1870, gọi là *Huấn dịch thập điều diễn nghĩa ca*. “Huấn dịch” là sự dạy dỗ của triều đình với các tầng lớp dân nói thôn cùng xóm làng (mà phần lớn là không biết chữ Hán), là những hướng dẫn về điều lệ cuộc sống của chính thể ban đến cho dân, nhằm giữ “thới thuận, tục tốt”. Ban hành và giảng giải “thập điều” là việc học theo phép xưa, làm theo *Thu*, *Thu* – một cách thể hiện sự tôn sùng cõi nhân, lấy quá khứ làm chuẩn mực cho những hành vi ứng xử đương thời

Huấn dịch thập điều diễn nghĩa ca – ứng xử định hướng của chính thể

Ứng xử định hướng là cách thức định hướng cho cả quốc gia, cộng đồng, xã hội hướng vào và tuân theo những chủ trương, đường lối có tính dẫn dắt xã hội. Tự Đức là một vị vua hay chữ, sùng Nho và uyên bác nhất triều Nguyễn. Khi cai trị, Tự Đức luôn ý thức trách nhiệm của một vị vua với dân, với nước, luôn mong muốn dân được hưởng ngày Nghiêng, tháng Thuần. Nhà vua đau đầu nghĩ đến việc

^{*} Tel: 0986 222413, Email: tuyetmai@hdu.edu.vn

¹ Trong tạp chí *Nam Phong*, số 88 ghi là Nhữ Đinh Tân, các tài liệu khác đều ghi là Nhữ Đinh Toản. Trong bài viết chúng tôi gọi tên theo bản của Tạp chí *Nam Phong*

2. Điều lệ giáo hóa triều Lê, Tạp chí *Nam Phong* (số 88), tr 322 - 329

bảo lưu văn hiến dân tộc, cho mở *Tập Hiển Viện* và *Khai Kinh Diên* để bàn về thơ phú, lịch sử và chính trị với các tri thức đương thời. Nhà vua biện đền chữ Nôm với mong muốn thực hiện được khát vọng chính hóa, thực thi được những khuôn vàng thước ngọc của cõi nhân, định hướng được phép tắc của xã hội để dân theo đó mà nhuần thấm đạo lý. *Diễn Nôm Huân dịch thập điều* là phuong thức ứng xử khá đặc biệt, là một hiện tượng khá độc đáo và diễn hình trong những năm tháng của thời trung thế kỉ. Mục đích dịch Nôm nhằm quảng bá được rộng rãi, giải quyết được những vấn đề xã hội, kinh tế, văn hóa của thời đại.

Mở đầu *Huân dịch thập điều diễn nghĩa ca*:

"Vâng lời thánh dụ hành rành

Từ xưa, chúa thánh vua minh cầm quyền

Lấy đạo chính dạy dân đen,

Át toan dân hóa, tục nên, làm đầu." [3,179]

(*Khai mào*, *Huân dịch thập điều diễn nghĩa ca*)

“Thánh du” là lời dạy của vua, ở đây là vua Minh Mệnh “Dân hóa” là làm cho người dân được văn minh tiến bộ hơn. *Diễn Nôm* văn bản này, vua Tu Đức hướng đến việc bảo vệ thuần phong mĩ tục, giữ gìn chính đạo, chính hóa một cách “đành hành” (rõ ràng, rành rot). Tác phẩm dài 486 dòng, viết theo thể lục bát, dễ đọc dễ nhớ. Sô dĩ tác giả diễn Nôm bởi người tiếp nhận - tuyệt đại nhân dân là những kẻ “quê ngây”, ít chữ nghĩa, và lại “sách xưa nghĩa lý khó suy” mà “Lại e tiếng nói nhà Thanh khác mình”. Mong muốn của nhà vua là khôi phục giường mới của Không học, phô biến chính hóa đến mọi tầng lớp nhân dân bằng chữ Nôm:

“Hoàng thân cho đến các tôi,

Học trò cho đến các loài quân dân.

Dẫu ai ham đọc hay vâng,

Trước còn lơ đãng, nay cần mòn nén” [3,935]

(*Tổng kết*, *Huân dịch thập điều diễn nghĩa ca*)

Trải suốt 486 dòng thơ là mười bốn lần từ “thánh”: *Thánh hiền, chúa thánh vua minh, thánh huân, thánh nhân, hiền thánh..* chúng

tỏ lòng nguông mộ với tiên thánh, lấy tiên thánh làm gương, lấy đạo thánh hiền làm giềng mới. Thực tế xã hội đương thời, phong hóa đã suy vi, những khuôn vàng thước ngọc của thánh nhân không thực sự có giá trị thực tiễn. Văn bản nói đến “lời dâm” như một biểu hiện di xuồng của thuần phong mĩ tục:

“Như lời thầy Mạnh cung khuyên:

“Lời dâm, nói vạy, nói xiên, thầy dìa” [3,990]

(*Giới dâm thắc*, *Huân dịch thập điều diễn nghĩa ca*)

Tác phẩm có tính cách chức năng, truyền tải đạo của thánh hiền, có chức năng răn dạy, giáo huấn khuyên con người tránh xa cam bẫy, nhất là cạm bẫy xác thịt.

Việc biên dịch *Huân dịch thập điều* một mặt thể hiện định hướng ứng xử của nhà vua với muôn dân, mặt khác thể hiện sự lo âu và bi kịch của một hoàng đế đương quyền đang sa sút, một nhà văn hóa, một tri thức đang âu lo, phấp phỏng trước mọi mưu sự đương thời

Huân dịch thập điều diễn nghĩa ca – ứng xử làm gương của chính thể

Bên cạnh phuong thức ứng xử định hướng có tính chỉ đạo trong việc xác định chức năng xã hội của các điều lệ nêu trên. Việc dùng chữ Nôm để giảng giải các điều lệ đó có ý nghĩa như việc làm gương trong việc đề cao tiếng mẹ, nhằm tôn vinh sự hữu dụng, tính thực tiễn của quốc âm Nôm. Bình diện làm gương của phuong thức ứng xử thể hiện ở chỗ, nhà vua đã đích thân dùng quốc âm, quốc ngữ để truyền tải những chuẩn mực một thời thịnh tr, phong hóa và văn vân theo thước do của thời Đường Ngu Tam Đại. Ở phuong diện này, Tự Đức ứng xử như là “tin đồn” tin dùng quốc văn, ban giáo hóa là minh chứng cho khả năng của quốc văn để biểu đạt những vấn đề thê đạo nhân tâm. Việc trọng dụng chữ Nôm như một thể mạnh để chấn hưng nền văn hóa, truyền tải một tác phẩm có tính “điều lệ” tự thân nó mang tính khuôn phép, tính diễn phạm, như là một “sự cho phép” xã hội,

"chuẩn" cho lưu hành quốc văn Nôm trong phạm vi xã hội.

Trong số sáng tác đồ sộ (khoảng 600 bài văn, hơn 4.000 bài thơ), Tự Đức chú trọng đặc biệt đến sáng tác bằng chữ Nôm (khoảng 100 bài thơ). Với vai trò người đứng đầu chính thể, Tự Đức còn thực thi việc diễn chế hóa chữ Nôm (*Tự Đức thành chế Tự học giải nghĩa ca*), diễn ca *Luận ngữ*, sai Lê Ngô Cát diễn ca quốc sử,... Việc làm của Tự Đức được Lê Hữu Mục viết: "Phong trào văn học chữ Nôm do ngài nhiệt thành phát động đã nói lên việc nhà vua chấp thuận sử dụng chữ Nôm như một văn tự chân chính" [3,77].

Thời trung đại, chính thể vừa là người định chính sách vừa là người chỉ đạo vừa là người làm mẫu. Vai trò này của các chính thể chỉ có thể được giải thích khi đặt họ vào vai trò là chủ thể quốc gia. Cuộc đời làm vua của Tự Đức có nhiều thất bại, song với vai trò một tri thức, một nhà văn hóa thì ông có công trong việc đề cao tiếng nói dân tộc. *Huân dịch thập điều* bằng Hán văn được giảng giải bằng tiếng mẹ đẻ ở nơi thôn dã là một biện pháp vừa đáp ứng với yêu cầu của chính quyền trong việc phổ biến chính hóa, vừa nâng cao chức năng và năng lực của tiếng mẹ đẻ.

Huân dịch thập điều diễn nghĩa ca với nền văn học Nôm dân tộc

Mặc dù được ban hành với tư cách nhà nước song khi bàn về giá trị của bản diễn Nôm các nhà nghiên cứu đánh giá thành công ở phương diện ngôn ngữ văn chương hơn là phương diện giáo hóa. "Mục đích giáo dục quần chúng như trong thời Minh Mệnh thi thực đó là một hành động không hợp thời không vì thế mà đem nguyên bản *Thập điều* năm 1834 áp dụng cho thế hệ 1870 không thay đổi một chữ" [3, 68]. Tương truyền, đương thời có câu hát dân gian phản ánh nỗi lòng người dân. "Vui xem hát/Nhat xem bơi./ Tả tơi xem hôi,/ Bồi rồi xem đám ma./ Còn Thập điều,/ Bó của bó nhà mà đi nghe giảng". Nghĩa là, dân chúng cũng không tìm thấy sự hữu dụng của những phép tắc xưa cũ, dù nó đã rất dễ hiểu:

"Nên ta dịch lại dành rành,

Mượn lòn ca vịnh để tình ngâm nga

Thà quê mà đăng thực thà,

Hãy e chưa rõ, hướng là dám thêm." [3, 935]

(*Tổng kết*, Huân dịch thập điều diễn nghĩa ca)

Tự Đức được ghi nhận ở tài dịch thuật, khả năng ngôn ngữ "Đầu tiên, kỹ thuật phiên dịch của vua Tự Đức đã tỏ ra xuất sắc một cách kỳ lạ. Tình thần tôn trọng cõi nhân, lòng ngưỡng mộ đối với vua Thành tổ, thi hiếu dịch thuật của thời đại, tất cả đã cung cấp cho nhà vua một khả năng diễn đạt trung thành và chính xác hi hữu." [3, 69]. Đóng góp của văn bản giáo hóa chủ yếu là vẫn diễn chế văn tự và hệ thống hóa cách viết chữ Nôm "*Phản đóng góp của Tự Đức trong công cuộc diễn chế văn tự là qui định những tương quan giữa âm và nghĩa để có thể xếp chữ Nôm theo bộ môn một cách hệ thống, công việc mà Taberd đã làm được một phần năm 1838 trong cuốn Dictionarium Anamitico-latinum (Nam Việt dương hiệp tự vị)*" [3, 72].

Trong lịch sử văn học, từ khá sớm chủ đề giáo hóa đã được diễn đạt bằng chữ Nôm. Những tập thơ Nôm lớn như *Quốc âm thi tập*, *Hồng Đức quốc âm thi tập*, *Bach Văn quốc ngữ thi*... hướng vào diễn đạt nhiều vấn đề về giáo hóa, hướng vào đề cao chính thống được xem như là kết quả sự tác động của các phuơng thức ứng xử từ phía chính thể đối với chữ Nôm, văn học Nôm. Các tập diễn ca lịch sử đề cao chính thống, truất bỏ tiếm nguy, đề cao danh phận như *Thiên Nam minh giám*, *Thiên Nam ngữ lục*, *Đại Nam quốc sử diễn ca*,... cũng dùng chữ Nôm để tuyên truyền, phổ biến những "chính sách", "chủ trương" mới của các chính thể đến với quang đại nhân dân. *Huân dịch thập điều diễn nghĩa ca* cũng là một trong những tác phẩm theo đường hướng đó. Với *Huân dịch thập điều diễn nghĩa ca*, vua Tự Đức ý thức được vai trò to lớn của chữ Nôm, đã dung chữ Nôm vào những công việc có tính chất quan phuơng. Đó là phuơng thức nâng cao chức năng và năng lực của tiếng mẹ đẻ, là di sản quý báu về

ngôn ngữ dân tộc. Đặc biệt quá trình lưu hành các văn bản giáo hóa đã thúc đẩy mạnh hơn sự ra đời của các sáng tác văn chương Nôm đích thực, góp phần tạo nên nền văn học Nôm giàu có, trưởng thành hơn.

Trong sự chế ước của văn hóa, ngôn ngữ, văn học trung đại, chính thể Đại Việt đã lựa chọn chữ Hán làm ngôn ngữ nhà nước, lựa chọn văn ngôn chữ Hán để ban hành những chính lệnh. Bên cạnh chữ Hán, chữ Nôm được sử dụng bổ khuyết vào những phần mà chữ Hán không đủ khả năng biểu đạt. Môi trường hành chánh của tiếng Nôm, chữ Nôm, văn Nôm ngày càng mở rộng. Văn bản *Huấn dịch thập điều diễn nghĩa ca* là một chứng nhân cho bước phát

triển mới của chữ Nôm trong những năm tháng dài của giai đoạn trung thế kỉ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Duy Anh (2009), *Việt Nam văn hóa sử cuồng*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- Dinh Gia Khánh chủ biên (1998), *Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Lê Hữu Mục giới thiệu, phiên âm, dịch thuật, sưu giáng (1971), *Huấn dịch thập điều thánh dụ của vua Thành Tổ diễn nghĩa ca của vua Đức Tông*, Phú quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.
- Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

SUMMARY

FEUDAL ATTITUDES AND POLICIES TOWARDS NOM SCRIPT IN MORAL CATECHISM IN TEN ARTICLES (*HUẤN ĐỊCH THẬP ĐIỀU DIỄN NGHĨA CA*) BY TU DUC

Hoang Thi Tuyet Mai
University of Sciences - INU

It is necessary to study the social functions of Nom script in order to understand the language policies of Vietnamese medieval administrative bodies. The official documents which announced that the dynasty's policy was normally composed in Chinese script. However, they had to be translated into Nom script and popularized in the vernacular. This behavior enabled Nom script, which had been considered as an unofficial script, to deliver moral and official messages from the feudal administrations. In this article, we show that *Moral Catechism in Ten Articles* (*Huấn dịch thập điều*) by King Tự Đức helped to increase the social functions of Vietnamese. Especially, the use of Nom script in popularizing official messages also promoted the composition of Nom literature, enriching and strengthening Vietnamese literature written in the mother tongue.

Key words: *Nom script, Nom literature, language policy, catechism, national language literature*